



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ
và Phát triển Xanh**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	0201768923	ngày 24 tháng 1 năm 2017
	0201768923	ngày 3 tháng 7 năm 2017
	0201768923	ngày 27 tháng 12 năm 2018
	0201768923	ngày 1 tháng 12 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thế Trọng	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Bùi Minh Hưng	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc (từ ngày 1 tháng 12 năm 2020)
Ông Hoàng Tiến Lục	Giám đốc (đến ngày 30 tháng 11 năm 2020)

Trụ sở đăng ký

Lô CC2, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ
Phường Đông Hải 2, Quận Hải An
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Báo cáo của Ban lãnh đạo Công ty

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban lãnh đạo Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty



[Signature]
Đông Trung Hải
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00009-21-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2021

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		43.411.306.456	54.455.172.431
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.435.556.707	28.563.864.067
Tiền	111		8.435.556.707	10.563.864.067
Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.127.327.100	14.636.090.488
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	11.516.140.880	9.383.028.818
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		880.930.000	3.171.872.770
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	730.256.220	2.081.188.900
Hàng tồn kho	140		261.516.000	267.942.000
Hàng tồn kho	141		261.516.000	267.942.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		586.906.649	10.987.275.876
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		586.906.649	510.423.379
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	10.476.852.497
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		238.580.390.511	277.776.033.484
Tài sản cố định	220		114.165.518.014	149.626.533.743
Tài sản cố định hữu hình	221	7	114.098.444.858	149.195.521.790
Nguyên giá	222		172.364.482.643	193.813.327.176
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.266.037.785)	(44.617.805.386)
Tài sản cố định vô hình	227	8	67.073.156	431.011.953
Nguyên giá	228		1.121.382.459	1.121.382.459
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.054.309.303)	(690.370.506)
Tài sản dài hạn khác	260		124.414.872.497	128.149.499.741
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	124.414.872.497	128.149.499.741
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		281.991.696.967	332.231.205.915

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		51.821.532.602	129.969.459.038
Nợ ngắn hạn	310		42.125.236.304	53.735.376.045
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	12.966.977.836	10.054.115.948
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.168.000	44.301.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.138.919.318	218.311.113
Phải trả người lao động	314		14.377.130.818	17.768.590.982
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	4.965.244.698	3.849.484.925
Phải trả ngắn hạn khác	319		284.649.894	120.084.670
Vay ngắn hạn	320	14	5.540.740.740	20.207.407.407
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13	1.848.405.000	1.473.080.000
Nợ dài hạn	330		9.696.296.298	76.234.082.993
Vay dài hạn	338	14	9.696.296.298	76.234.082.993
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		230.170.164.365	202.261.746.877
Vốn chủ sở hữu	410	15	230.170.164.365	202.261.746.877
Vốn cổ phần	411	16	121.200.000.000	121.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		121.200.000.000	121.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	18	66.441.746.877	38.395.122.402
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.528.417.488	42.666.624.475
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		42.528.417.488	42.666.624.475
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		281.991.696.967	332.231.205.915

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đông Trung Hải
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	19	189.068.911.223	201.112.951.588
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	-	110.872.724.904	138.935.854.878
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		78.196.186.319	62.177.096.710
Doanh thu hoạt động tài chính	21		738.843.282	1.133.845.162
Chi phí tài chính	22		5.189.081.617	8.656.086.344
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.189.081.617	8.656.086.344
Chi phí bán hàng	25	20	23.507.879.301	7.506.067.132
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	8.132.455.522	4.585.521.632
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		42.105.613.161	42.563.266.764
Thu nhập khác	31		422.804.327	107.357.711
Chi phí khác	32		-	4.000.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		422.804.327	103.357.711
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.528.417.488	42.666.624.475
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		42.528.417.488	42.666.624.475
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	3.303	3.314

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Đồng Trung Hải
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		42.528.417.488	42.666.624.475
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		29.572.815.508	27.962.649.806
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.147.924.911)	(1.226.736.873)
Chi phí lãi vay	06		5.189.081.617	8.656.086.344
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		76.142.389.702	78.058.623.752
Biến động các khoản phải thu	09		11.985.615.885	9.001.036.912
Biến động hàng tồn kho	10		6.426.000	104.410.000
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.790.177.593	(2.009.647.932)
Biến động chi phí trả trước	12		263.198.674	491.121.371
			92.187.807.854	85.645.544.103
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.998.057.284)	(9.334.743.546)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.124.675.000)	(1.065.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		84.065.075.570	75.245.800.557
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.307.772.850)	(34.071.290.608)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		18.700.000.000	500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		738.843.282	1.133.845.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.131.070.432	(32.437.445.446)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

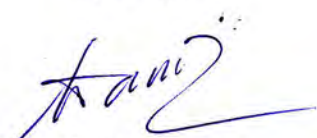
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	8.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(81.204.453.362)	(57.196.222.222)
Tiền trả cổ tức	36		(12.120.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(93.324.453.362)	(49.196.222.222)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		871.692.640	(6.387.867.111)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		28.563.864.067	34.951.731.178
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	29.435.556.707	28.563.864.067

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đông Trung Hải
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là xếp dỡ, nâng hạ container, sửa chữa container, đầu tư và cho thuê thiết bị.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 148 nhân viên (1/1/2020: 151 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 40 năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động trên một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ, và sửa chữa container và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	462.252.750	1.980.671.012
Tiền gửi ngân hàng	7.973.303.957	8.583.193.055
Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	18.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	29.435.556.707	28.563.864.067

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là các công ty liên quan:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	3.836.809.033	8.302.759.675
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	4.422.453.750	-
Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	2.504.471.727	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	102.312.100	551.697.850
Các bên khác		
Công ty TNHH Vận tải biển Liên Hợp	229.116.802	224.978.840
Công ty TNHH Hoi Wah Shipping Agencies (Vietnam)	202.114.646	113.438.452
Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam	-	39.142.256
Các khách hàng khác	218.862.822	151.011.745
	11.516.140.880	9.383.028.818

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu từ công ty mẹ	-	1.043.700.000
Tạm ứng hoạt động	730.256.220	535.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	502.488.900
	730.256.220	2.081.188.900

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	83.050.294.941	3.074.154.669	106.493.520.596	1.195.356.970	193.813.327.176
Tăng trong năm	-	-	9.307.772.850	-	9.307.772.850
Thanh lý	-	-	(30.756.617.383)	-	(30.756.617.383)
Số dư cuối năm	83.050.294.941	3.074.154.669	85.044.676.063	1.195.356.970	172.364.482.643
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	21.689.343.164	1.274.819.475	21.054.784.602	598.858.145	44.617.805.386
Khấu hao trong năm	9.356.731.428	624.725.461	15.584.654.842	247.819.680	25.813.931.411
Thanh lý	-	-	(12.165.699.012)	-	(12.165.699.012)
Số dư cuối năm	31.046.074.592	1.899.544.936	24.473.740.432	846.677.825	58.266.037.785
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	61.360.951.777	1.799.335.194	85.438.735.994	596.498.825	149.195.521.790
Số dư cuối năm	52.004.220.349	1.174.609.733	60.570.935.631	348.679.145	114.098.444.858

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 31.605 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 71 triệu VND).



Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.121.382.459
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	690.370.506
Khấu hao trong năm	363.938.797
Số dư cuối năm	1.054.309.303
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	431.011.953
Số dư cuối năm	67.073.156

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước (i) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	127.310.448.750	637.671.206	201.379.785	128.149.499.741
Tăng trong năm	-	516.129.453	71.920.000	588.049.453
Phân bổ trong năm	(3.394.945.300)	(751.030.155)	(176.701.242)	(4.322.676.697)
Số dư cuối năm	123.915.503.450	402.770.504	96.598.543	124.414.872.497

- (i) Chi phí thuê lại lô đất CC2 Khu Công nghiệp Minh Phương Đình Vũ theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP ngày 25/1/2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê lại (kể từ ngày hợp đồng được ký ngày 25/1/2017 đến hết ngày 30/6/2057).

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là các công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	6.541.529.291	3.040.861.751
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	719.356.033
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	302.682.718
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương	1.300.976.695	385.021.669
Công ty TNHH Thương mại Huyền Yên	1.116.665.000	774.675.000
Công ty TNHH Vật tư Trường Thành	785.837.800	1.076.897.250
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Đạt Phát	808.681.500	435.187.500
Công ty Cổ phần Lốp ô tô Thăng Long	285.120.000	1.217.403.000
Công ty TNHH Hòa Phát	145.684.000	80.080.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Linh Thuận Phát	133.703.100	226.735.700
Công ty Cổ phần Anh Trung	108.413.800	-
Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Thăng Long	-	498.300.000
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Tuấn Hưng	-	59.400.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Anh	-	71.500.000
Các nhà cung cấp khác	1.740.366.650	1.166.015.327
	12.966.977.836	10.054.115.948

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ và các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020	Số phải nộp	Số đã bù trừ	Số đã nộp	31/12/2020
	VND	trong năm	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	20.840.877.240	(18.917.219.019)	-	1.923.658.221
Thuế thu nhập cá nhân	218.311.113	825.748.675	-	(828.798.691)	215.261.097
	218.311.113	21.666.625.915	(18.917.219.019)	(828.798.691)	2.138.919.318

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trích trước lãi vay phải trả	501.624.245	1.310.599.912
- Công ty Cổ phần Container Việt Nam	501.624.245	1.153.710.820
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	156.889.092
Chi phí hoa hồng	1.258.609.000	815.047.200
Trích trước chi phí sửa chữa	2.711.705.000	1.293.405.000
Chi phí phải trả khác	493.306.453	430.432.813
	<hr/>	<hr/>
	4.965.244.698	3.849.484.925
	<hr/>	<hr/>

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.473.080.000	38.080.000
Trích lập trong năm	2.500.000.000	2.500.000.000
Sử dụng trong năm	(2.124.675.000)	(1.065.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.848.405.000	1.473.080.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ	VND	7,0%	2022	-	44.000.000.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ (i)	VND	7,1%	2023	15.237.037.038	20.777.777.778
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	VND	8,1%	2025	-	31.663.712.622
				15.237.037.038	96.441.490.400
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(5.540.740.740)	(20.207.407.407)
				9.696.296.298	76.234.082.993

- (i) Khoản vay công ty mẹ có thời hạn 60 tháng, không có tài sản đảm bảo, gốc và lãi vay được trả hàng quý.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	121.200.000.000	-	40.895.122.402	162.095.122.402
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	42.666.624.475	42.666.624.475
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 18)	-	38.395.122.402	(38.395.122.402)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	121.200.000.000	38.395.122.402	42.666.624.475	202.261.746.877
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	42.528.417.488	42.528.417.488
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 18)	-	28.046.624.475	(28.046.624.475)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	121.200.000.000	66.441.746.877	42.528.417.488	230.170.164.365

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.120.000	121.200.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	12.120.000	121.200.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	12.120.000	121.200.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Chi tiết các cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,34%
Các cá nhân khác	4.080.000	33,66%
	12.120.000	100,00%

17. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020 và Thông báo số 06/2020/TB-TH ngày 4 tháng 8 năm 2020, Công ty công bố trả cổ tức bằng tiền là 12.120.000.000 VND (tỷ lệ 10% tương đương 1.000 VND trên một cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019 vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 28.046.624.475 VND (2019: 38.395.122.402 VND).

19. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	2020 VND	2019 VND
Dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container	165.944.056.756	156.815.975.935
Dịch vụ sửa chữa container	15.498.607.220	27.909.719.975
Dịch vụ khác	7.626.247.247	16.387.255.678
	<hr/>	<hr/>
	189.068.911.223	201.112.951.588

20. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí cho hãng tàu	22.252.469.775	5.302.730.441
Chi phí bán hàng khác	1.255.409.526	2.203.336.691
	<hr/>	<hr/>
	23.507.879.301	7.506.067.132

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.059.999.127	3.362.056.493
Chi phí vật liệu văn phòng	103.844.227	113.016.387
Chi phí khấu hao	218.457.074	221.433.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	457.962.526	374.878.950
Chi phí bằng tiền khác	292.192.568	514.136.466
	<hr/>	<hr/>
	8.132.455.522	4.585.521.632

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	33.151.974.078	34.702.455.236
Chi phí nhân công	28.415.765.702	36.786.713.579
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.572.815.508	27.962.649.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.491.675.699	34.541.790.472
Chi phí khác	23.880.828.740	15.740.429.549

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.528.417.488	42.666.624.475
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.252.841.749	4.266.662.448
Chi phí không được khấu trừ thuế	574.032.100	515.942.750
Ưu đãi thuế	(4.826.873.849)	(4.782.605.198)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2017 đến năm 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thông thường là 20%.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, cho năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm, chi tiết như sau:

(i) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.120.000	12.120.000

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông	42.528.417.488	42.666.624.475
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (*)	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
	40.028.417.488	40.166.624.475
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	12.120.000	12.120.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.303	3.314

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa có quyết định về số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020. Cho mục đích tính toán lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, Công ty ước tính số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020 bằng số đã trích lập cho năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy lãi trên cổ phiếu sẽ không bị suy giảm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	405.099.699	28.068.815.213
Mua hàng hóa	12.187.235.078	15.273.731.913
Mua dịch vụ	-	274.706.108
Chi phí lãi vay	4.112.412.520	4.909.181.886
Nhận khoản vay dài hạn	-	8.000.000.000
Trả gốc vay	49.540.740.740	11.222.222.222
Trả cổ tức	8.040.000.000	-
Các công ty liên quan – Công ty con của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP		
Cung cấp dịch vụ	64.770.205.919	66.121.638.603
Mua dịch vụ	14.461.147.925	13.933.800.818
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh		
Cung cấp dịch vụ	12.419.874.673	660.245.959
Mua dịch vụ	9.414.100.364	2.727.420.727
Thu từ thanh lý tài sản cố định	12.400.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh		
Cung cấp dịch vụ	4.908.945.007	9.244.344.373
Mua dịch vụ	1.174.655.500	1.512.353.801
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh		
Cung cấp dịch vụ	24.078.130.000	-
Mua dịch vụ	48.053.948	-
Thanh lý tài sản cố định	6.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung		
Thanh lý tài sản cố định	-	500.000.000
Giám đốc và thành viên khác trong Ban lãnh đạo		
Tiền lương và thưởng	1.109.625.000	1.498.853.407

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

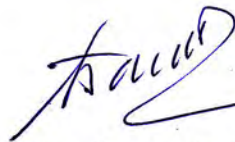
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đông Trung Hải
Giám đốc